TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK R'LẤP** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST
Ngày 19 - 7 - 2022
"V/v Không công nhận quan hệ vợ chồng và tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Mai Đoàn Minh Hương.
Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Vân và ông Nguyễn Văn Chinh.
- Thư ký phiên toà: Bà Phan Thị Hòa, là Thư ký Toà án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông .
- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên toà: Ông Phan Minh Tuấn - Kiểm Sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2022 tại phòng xử án, Toà án nhân dân huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 95/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 16/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2022/QĐ-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm T, sinh năm 1982; địa chỉ: L, xã G, huyện C, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn: Chị Hoàng Thị Hiếu Th, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn 07, xã Đắk W, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

(Các đương sự đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Phạm T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm T và chị Hoàng Thị Hiếu Th tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán, nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm về lối sống. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2020 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh T làm đơn xin được ly hôn với chị Th. Do anh chị không đăng ký kết hôn, nên yêu cầu

Tòa án không công nhận anh chị là vợ chồng.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung, cháu Phạm Hoàng M sinh ngày 20-01-2001, đã đến tuổi trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết; cháu Phạm Hoàng P sinh ngày 07-6-2008, anh T đồng ý giao cho chị Hoàng Thị Hiếu Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là Phạm Hoàng P, sinh ngày 07-6-2008. Mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/01 tháng, bắt đầu thực hiện từ ngày 10-7-2022 cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh T tự nguyện chịu toàn bộ

***Bị đơn chị Hoàng Thị Hiếu Th trình bày*:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị Hiếu Th đồng ý yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh Phạm T. Do anh chị không đăng ký kết hôn, nên đề nghị Tòa án không công nhận anh chị là vợ chồng.

Về con chung: Chị Hoàng Thị Hiếu Th có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Phạm Hoàng P, sinh ngày 07-6-2008, cho đến khi đủ 18 tuổi. Đối với con chung cháu Phạm Hoàng M sinh ngày 20-01-2001, đã đến tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung và nợ chung; án phí: Nhất trí như trình bày của anh Phạm T.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp:

- *Về trình tự, thủ tục tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 53, Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm T đối với chị Hoàng Thị Hiếu Th. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Phạm T với chị Hoàng Thị Hiếu Th. Về con chung: Giao con chung Phạm Hoàng P, sinh ngày 07-6-2008 cho chị Hoàng Thị Hiếu Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Về cấp dưỡng: Anh Phạm T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là Phạm Hoàng P, sinh ngày 07-6-2008. Mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/01 tháng, phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thực hiện vào ngày mùng 10 mỗi tháng, thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tính từ ngày 10-7-2022 cho đến khi cháu P đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Về tài sản chung và nợ chung: Anh Phạm T và chị Hoàng Thị Hiếu Th đều không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại

phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết: Anh Phạm T và chị Hoàng Thị Hiếu Th tự nguyện chung sống từ năm 2001, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Anh T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Phạm T với chị Hoàng Thị Hiếu Th. Chị Hoàng Thị Hiếu Th sinh sống và đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn 07, xã Đắk W, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Do đó, Tòa án xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Đắk R'Lấp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các đương sự có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của anh Phạm T đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh T với chị Th, nhận định:

Về quan hệ hôn nhân: Mặc dù chung sống với nhau từ năm 2001 cho đến nay, anh T, chị Th có đủ điều kiện đi đăng ký kết hôn nhưng anh chị vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, tại điểm b, mục 3 của Nghị Quyết số 35/2000/QH10 ngày 09-6- 2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định:

b) "nam nữ sống chung với nhau như vợ chồng từ 03/01/1987 đến ngày 01/01/2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật thì có nghĩa vụ đăng ký hết hôn trong thời hạn hai năm kể từ ngày 01-01-2001 đến ngày 01-01-2003. Từ sau ngày 01-01-2003 mà họ không đi đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng".

Tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

"Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con chung ……thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này".

Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh T và chị Th là phù hợp.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Phạm Hoàng M, sinh ngày 20-01-2001 và cháu Phạm Hoàng P, sinh ngày 07-6-2008.

Đối với con chung Phạm Hoàng M sinh ngày 20-01-2001, đã đến tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với con chung Phạm Hoàng P sinh ngày 07-6-2008, quá trình giải quyết anh chị đều thống nhất và nguyện vọng của cháu P là muốn được ở cùng với mẹ nên cần giao con chung Phạm Hoàng P, sinh ngày 07-6-2008 cho chị Hoàng Thị Hiếu Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng: Chị Th đồng ý trình bày của anh T về cấp dưỡng. Do đó anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là Phạm Hoàng P, sinh ngày 07-6-2008.

Mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/01 tháng, phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thực hiện vào ngày mùng 10 mỗi tháng, thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tính từ ngày 10-7-2022 cho đến khi cháu P đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị đều không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

[3]. Xét quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, cần chấp nhận.

[4]. Về án phí: Anh T phải nộp toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5]. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm T đối với chị Hoàng Thị Hiếu Th.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Phạm T với chị Hoàng Thị Hiếu Th.

- *Về con chung:* Giao con chung Phạm Hoàng P, sinh ngày 07-6-2008 cho chị Hoàng Thị Hiếu Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- *Về cấp dưỡng:* Anh Phạm T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là Phạm Hoàng P, sinh ngày 07-6-2008. Mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/01 tháng, phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thực hiện vào ngày mùng 10 mỗi tháng, thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tính từ ngày 10-7-2022 cho đến khi cháu P đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại các Điều 107, 110 và 119 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và chị Hoàng Thị Hiếu Th có đơn

yêu cầu thi hành số tiền cấp dưỡng nêu trên, thì hàng tháng anh Phạm T còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Anh Phạm T và chị Hoàng Thị Hiếu Th đều không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Anh Phạm T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004797 ngày 17-5-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Anh Phạm T còn phải tiếp tục nộp thêm số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk R'Lấp;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Mai Đoàn Minh Hương